

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29-11-2018.

V/v: “ Tranh chấp ly
hôn giữa bà M và ông T”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tuyết Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Păng Ting Nôck.

Ông Trương Hữu Tính.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa: Ông K' Mích- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:513/2018/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018, về việc tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị M, sinh năm 1975.

Địa chỉ, đường N, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt,

Bị đơn: Ông Lê Sáu T, sinh năm 1964.

Trú tại: đường M, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt,

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án thành phố Đà Lạt và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Dương Thị M trình bày: Bà và ông Lê Sáu T chung sống với nhau từ năm 1994, không đăng ký kết hôn, có tổ chức lễ cưới. Sau khi cưới vợ chồng sống tại khu tập thể Trường tiểu học B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 1999 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, ông T không tu trí làm ăn mà

ham chơi cờ bạc không quan tâm đến gia đình vợ con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, đến năm 2014 vợ chồng chính thức sống ly thân cho đến nay. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông T, tình cảm vợ chồng cũng không còn khả năng hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông T được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Diệu H, sinh ngày 03/4/1995 và Lê Đức T, sinh ngày 01/01/1997. Hiện các con đã trưởng thành nên ly hôn bà không có yêu cầu gì về con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Lê Sáu T được triệu tập hợp lệ theo qui định của pháp luật nhưng không có mặt để trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa bà M không yêu cầu sửa đổi, bổ sung yêu cầu nào khác.

Tại phiên Tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ phát biểu ý kiến về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án như của Hội đồng xét xử tại phiên tòa và của những người tham gia tố tụng. Về yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị M. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Dương Thị M và ông Lê Sáu T. Về con chung các con đã trưởng thành nên không đề cập. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về tố tụng: Ông Lê Sáu T được triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt. Vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ tranh chấp: bà Dương Thị M có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông Lê Sáu T. ông Lê Sáu T được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt để trình bày ý kiến, nên xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp ly hôn”. ông Lê Sáu T có địa chỉ tại đường M, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, căn cứ vào khoản 1 điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Dương Thị M và ông Lê Sáu T chung sống với nhau từ năm 1994, không có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông Lê Sáu T là không tuân thủ đúng trình tự quy định của pháp luật. Theo bà Dương Thị M cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 1999 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, ông T không tu chí làm ăn mà ham chơi cờ bạc không quan tâm đến gia

đình vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, đến năm 2014 vợ chồng chính thức sống ly thân cho đến nay, nên bà yêu cầu ly hôn với ông T. Theo Điều 11 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 qui định nam nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay bà M xin ly hôn với ông T, để bảo đảm quyền nhân thân cho bà M căn cứ vào điều 87 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 và Nghị quyết số: 35/2000 /QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân gia đình năm 2000, chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị M. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Dương Thị M và ông Lê Sáu T.

[4] Về con chung: Giữa bà Dương Thị M và ông Lê Sáu T có 02 con chung tên Lê Thị Diệu H, sinh ngày 03/4/1995 và Lê Đức T, sinh ngày 01/01/1997. Các con đã trưởng thành nên không đề cập.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có tranh chấp nên không đề cập.

[6] Về án phí : Bà Dương Thị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 11, 97 Luật Hôn Nhân và Gia Đình năm 2000;
- Căn cứ Nghị quyết 35/2010 /QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật hôn nhân gia đình năm 2000;
- Căn Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1- Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Dương Thị M và ông Lê Sáu T.

2- Về án phí: Bà Dương Thị M phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Được trừ vào số tiền tạm nộp án phí bà Dương Thị M đã nộp theo biên lai thu số AAA/2016/0001359 ngày 25/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ).

Bà Dương Thị M có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Lê Sáu T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự. /.

Nơi nhận;

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND tp.Đ;
- Chi cục THADS tp. Đ;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đoàn Thị Tuyết Nga